

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 24

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trung kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Ngô Thị Cẩm Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bình Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Bích Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trung kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Bích Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/02/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- * Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- * Dựa và các ước đoán và xác định một cách thận trọng và thành trung;
- * Nếu có Ghi chú trọng và toàn áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- * Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục và trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục và;
- * Dự kê và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính trung kỳ nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số liệu kế toán được ghi chép phù hợp và có giá trị đầy đủ sẽ phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định khác nhằm quản lý và kiểm soát Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc yêu cầu rằng Công ty và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Tín	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/02/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

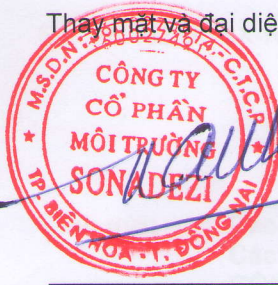
KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bạch Văn Hiền

Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Số: 18.132/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi, được lập ngày 07 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248.115.843.964	271.987.019.493
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	70.314.496.983	73.062.912.258
1. Tiền	111		8.480.100.850	12.242.211.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.834.396.133	60.820.700.292
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.300.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.454.113.566	190.139.827.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	160.424.096.346	185.934.420.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.826.321.415	1.668.596.415
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.360.348.545	2.693.463.433
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(156.652.740)	(156.652.740)
IV. Hàng tồn kho	140		5.047.233.415	7.506.436.027
1. Hàng tồn kho	141	4.5	5.047.233.415	7.506.436.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.277.843.737
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	212.616.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	-	1.065.227.737
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.214.926.055	222.242.129.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		102.372.050	102.372.050
1. Phải thu dài hạn khác	216		102.372.050	102.372.050
II. Tài sản cố định	220		104.204.584.574	110.774.962.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	104.204.584.574	110.774.962.419
Nguyên giá	222		243.912.415.228	241.544.211.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.707.830.654)	(130.769.248.722)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		91.865.395.386	92.284.512.613
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	91.865.395.386	92.284.512.613
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.542.574.045	11.580.282.565
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	8.334.300.286	11.455.912.888
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		208.273.759	124.369.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		460.330.770.019	494.229.149.140

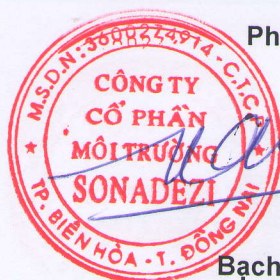
(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		128.473.696.608	148.962.070.335
I. Nợ ngắn hạn	310		128.473.696.608	148.962.070.335
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	10.609.333.963	30.203.017.749
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.746.222.071	225.645.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.508.661.354	1.177.920.707
4. Phải trả người lao động	314	4.11	29.743.047.408	41.688.090.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	5.474.018.585	4.144.306.909
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		557.515.608	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	56.190.366.706	54.857.124.024
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		562.401.970	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	20.082.128.943	16.665.964.787
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		331.857.073.411	345.267.078.805
I. Vốn chủ sở hữu	410		331.857.073.411	345.267.078.805
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15.1	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.15.2	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.210.024.535	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.480.215.414	42.100.245.343
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.417.188.913	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.063.026.501	42.100.245.343
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		460.330.770.019	494.229.149.140



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZIĐịa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.16	169.727.176.916	161.056.062.497
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		169.727.176.916	161.056.062.497
3. Giá vốn hàng bán	11	4.17	138.861.307.140	129.000.352.603
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.865.869.776	32.055.709.894
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.628.380.488	1.374.844.482
6. Chi phí tài chính	22		-	(400.000.000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.18	14.494.570.853	12.276.843.623
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.999.679.411	21.553.710.753
9. Thu nhập khác	31		651.274.056	692.639.711
10. Chi phí khác	32		98.276.658	209.463.933
11. Lợi nhuận khác	40		552.997.398	483.175.778
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.552.676.809	22.036.886.531
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.20	2.573.554.390	4.589.181.413
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(83.904.082)	(53.559.894)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.063.026.501	17.501.265.012
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	466	508
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	466	508



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.552.676.809	22.036.886.531
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.19	10.685.581.932	8.920.469.496
Các khoản dự phòng	03		562.401.970	(400.000.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.828.280.488)	(1.289.273.661)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		27.972.380.223	29.268.082.366
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.119.291.658	(18.180.379.910)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.459.202.612	(1.267.020.376)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.280.086.853)	3.612.083.651
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.334.228.602	2.068.501.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.350.000.000)	(190.236.110)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		34.535.000	3.778.304.600
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.617.623.567)	(8.402.011.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.671.927.675	10.687.324.589
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và				
1. các tài sản dài hạn khác	21	4.21	(24.580.273.422)	(17.755.673.152)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ				
2. của các đơn vị khác	23		(9.300.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		459.930.472	307.162.508
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.420.342.950)	(17.448.510.644)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.15.5	(24.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.000.000.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(2.748.415.275)	(6.761.186.055)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		73.062.912.258	77.876.873.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	70.314.496.983	71.115.687.823



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền

Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương

Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 18 tháng 04 năm 2017.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 757 người (31 tháng 12 năm 2016 là: 753 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh;
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	954.929.349	1.804.999.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.525.171.501	10.437.212.073
Các khoản tương đương tiền	61.834.396.133	60.820.700.292
Cộng	<u>70.314.496.983</u>	<u>73.062.912.258</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 5,65%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 16.750.000.000 VND.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phòng Quản Lý Đô Thị Biên Hòa	135.274.032.804	166.569.671.472
Các khách hàng khác	24.769.950.522	18.847.478.871
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 4.22	380.113.020	517.270.020
Cộng	160.424.096.346	185.934.420.363

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	672.125.600	672.125.600
Trung Tâm Truyền thông và Tư vấn Môi trường	535.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam – Vietravel - CN Đồng Nai	290.182.000	-
Các nhà cung cấp khác	273.708.815	444.945.815
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 4.22	55.305.000	51.525.000
Cộng	1.826.321.415	1.668.596.415

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.311.773.618	-	1.937.098.215	-
Công cụ, dụng cụ	859.390.527	-	1.125.089.586	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.299.588.905	-	3.868.310.676	-
<i>Các công trình giao thông</i>	1.041.170.866	-	3.601.586.776	-
<i>Dịch vụ quét đường</i>	256.418.039	-	-	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	2.000.000	-	134.065.900	-
<i>Các công trình chiếu sáng</i>	-	-	132.658.000	-
Hàng hóa	576.480.365	-	575.937.550	-
Cộng	5.047.233.415	-	7.506.436.027	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	114.199.338.815	36.922.493.435	83.741.390.526	287.605.900	6.393.382.465	241.544.211.141
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.030.204.087	-	-	-	85.000.000	4.115.204.087
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 30/06/2017	118.229.542.902	36.922.493.435	81.994.390.526	287.605.900	6.478.382.465	243.912.415.228
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	76.574.972.887	16.935.770.584	36.440.917.850	234.693.396	582.894.005	130.769.248.722
Khấu hao trong kỳ	3.225.788.844	1.471.467.111	5.523.386.547	6.413.634	458.525.796	10.685.581.932
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 30/06/2017	79.800.761.731	18.407.237.695	40.217.304.397	241.107.030	1.041.419.801	139.707.830.654
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	37.624.365.928	19.986.722.851	47.300.472.676	52.912.504	5.810.488.460	110.774.962.419
Tại ngày 30/06/2017	38.428.781.171	18.515.255.740	41.777.086.129	46.498.870	5.436.962.664	104.204.584.574

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 67.705.702.415 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	91.667.937.651	92.112.660.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	144.144.508	144.144.508
Công trình khác	53.313.227	27.707.727
Cộng	91.865.395.386	92.284.512.613

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	170.000.000	230.000.000
Lợi thế kinh doanh	8.164.300.286	11.225.912.888
Cộng	8.334.300.286	11.455.912.888

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trạm xăng dầu Bến xe Biên Hòa	1.459.808.635	1.459.808.635	1.248.523.975	1.248.523.975
Công ty TNHH MTV ĐTXD & Kỹ thuật Môi trường Trí Lâm	1.187.500.000	1.187.500.000	978.500.000	978.500.000
Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	14.232.000.000	14.232.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.962.025.328	7.962.025.328	13.743.993.774	13.743.993.774
Cộng	10.609.333.963	10.609.333.963	30.203.017.749	30.203.017.749

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.850.870.444	10.515.070.640	8.771.239.698	-	1.107.039.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	158.326.653	2.573.554.390	1.350.000.000	1.065.227.737	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	499.464.257	2.128.361.610	1.699.778.558	-	70.881.205
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	359.621.782	359.621.782	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	-	3.508.661.354	15.586.608.422	12.190.640.038	1.065.227.737	1.177.920.707

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - Phần nắp hố rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí dịch vụ công trình hoa kiểng công viên	1.075.105.000	-
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	930.713.273	930.713.273
Các khoản trích trước khác	254.606.676	-
Cộng	5.474.018.585	4.144.306.909

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Huyện Vĩnh Cửu phải trả về cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai	47.382.461.015	47.382.461.015
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả về cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	7.520.301.564	5.599.460.844
Chi phí quy hoạch 21,7 ha thuộc dự án khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu phải trả về cho Ngân sách Nhà Nước	400.956.248	400.956.248
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	176.895.189	137.899.894
Kinh phí công đoàn	305.582.160	299.824.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	404.170.530	1.036.521.903
Cộng	56.190.366.706	54.857.124.024

4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ phúc lợi	10.001.533.546	8.620.771.290
Quỹ khen thưởng	9.157.351.678	8.045.193.497
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	502.241.266	-
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	421.002.453	-
Cộng	20.082.128.943	16.665.964.787

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/11/2015	300.000.000.000	2.502.683.000	4.917.088.760	23.901.202	307.443.672.962
Lãi trong 2 tháng cuối năm 2015	-	-	-	7.664.457.837	7.664.457.837
Tặng khác	-	527.801.248	-	-	527.801.248
Số dư tại ngày 01/01/2016	300.000.000.000	3.030.484.248	4.917.088.760	7.688.359.039	315.635.932.047
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	17.501.265.012	17.501.265.012
Giảm khác	-	(3.030.484.248)	(4.917.088.760)	(23.901.202)	(7.971.474.210)
Số dư tại ngày 30/06/2016	300.000.000.000	-	-	25.165.722.849	325.165.722.849
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	16.934.522.494	16.934.522.494
Tặng khác	-	3.216.414.462	-	-	3.216.414.462
Giảm khác	-	(49.581.000)	-	-	(49.581.000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	42.100.245.343	345.267.078.805
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	16.063.026.501	16.063.026.501
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	24.480.215.414	331.857.073.411

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.063.026.501	17.501.265.012
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.094.844.884)	(2.275.164.452)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.968.181.617	15.226.100.560
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	466	508

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 03 năm 2017.

4.15.5. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	24.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	1.012.965.818	623.617.432
Doanh thu cung cấp dịch vụ	168.402.657.917	159.445.435.157
Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.22	311.553.181	987.009.908
Cộng	<u>169.727.176.916</u>	<u>161.056.062.497</u>

4.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	397.186.179	424.044.627
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	138.464.120.961	128.576.307.976
Cộng	<u>138.861.307.140</u>	<u>129.000.352.603</u>

4.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.272.233.423	4.748.163.973
Chi phí vật liệu quản lý	367.238.459	293.438.470
Chi phí đồ dùng văn phòng	669.069.439	1.142.239.282
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	3.061.612.602	1.224.645.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.681.772	522.447.792
Thuế, phí và lệ phí	375.875.782	962.081.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.980.388	396.585.990
Chi phí bằng tiền khác	3.879.878.988	2.987.241.440
Cộng	<u>14.494.570.853</u>	<u>12.276.843.623</u>

4.19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.322.316.868	52.555.111.114
Chi phí nhân công	58.984.884.551	64.789.112.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.685.581.932	8.920.469.496
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	3.061.612.602	1.224.645.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.677.008.380	4.909.958.762
Chi phí khác bằng tiền	11.055.751.889	9.692.624.844
Cộng	<u>150.787.156.222</u>	<u>142.091.921.287</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	18.552.676.809	22.036.886.531
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.000.029.780	909.020.534
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>19.552.706.589</u>	<u>22.945.907.065</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 20%	1.236.567.463	4.589.181.413
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 10%	1.336.986.927	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>2.573.554.390</u>	<u>4.589.181.413</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn.

4.21. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phổ		Xử lý rác		Công viên công cộng, dây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngân đồng Tổng công	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu												
Từ khách hàng	63.713.982	55.047.406	21.768.464	20.915.088	34.736.654	25.873.431	13.981.469	15.860.814	35.526.608	43.359.323	169.727.177	161.056.062
bên ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	63.713.982	55.047.406	21.768.464	20.915.088	34.736.654	25.873.431	13.981.469	15.860.814	35.526.608	43.359.323	169.727.177	161.056.062
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ	10.566.919	11.467.021	1.698.740	1.921.821	13.235.623	5.918.811	137.162	2.785.186	5.227.426	9.962.871	30.865.870	32.055.710
phần												
Chi phí không											14.494.571	12.276.844
phân bổ												
Lợi nhuận trước thuế,											16.924.296	20.262.042
thu nhập tài chính và											1.628.380	1.374.844
chi phí tài chính											-	(400.000)
Thu nhập tài chính											18.552.677	22.036.887
Chi phí tài chính											2.489.650	4.535.622
Lợi nhuận trước thuế											16.063.027	17.501.265
Thuế thu nhập doanh												
NGHIỆP												

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	<u>Xúc vãn chuyển rác</u>		<u>Thu gom rác phổ</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Công viên công công, dây phân cách</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Đơn vị tính: Ngàn đồng</u>	
	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản của bộ phận	39.910.022	44.998.494	-	-	15.195.894	17.395.530	5.884	11.767	49.092.785	48.369.171	104.204.585	110.774.962
Tài sản không phân bổ											356.126.185	383.454.187
Tổng tài sản											460.330.770	494.229.149

Nợ phải trả không phân bổ

	<u>Xúc vãn chuyển rác</u>		<u>Thu gom rác phổ</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Công viên công công, dây phân cách</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Đơn vị tính: Ngàn đồng</u>	
	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Nợ phải trả không phân bổ											128.473.697	148.962.070
Tổng nợ phải trả											128.473.697	148.962.070

Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ
Chi phí khấu hao trong kỳ

	<u>Xúc vãn chuyển rác</u>		<u>Thu gom rác phổ</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Công viên công công, dây phân cách</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Đơn vị tính: Ngàn đồng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	5.331.029	2.766.550	-	-	2.199.636	1.354.285	5.884	12.464	3.149.033	4.787.170	24.580.273	17.755.673
Chi phí khấu hao trong kỳ											10.685.582	8.920.469

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty trong cùng tập đoàn
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải thu:		
Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	236.852.000
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	54.961.000	-
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	48.102.600	226.888.600
Công ty CP Cảng Đồng Nai	12.694.000	4.576.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	47.858.920
Công ty CP Sonadezi An Bình	4.466.000	484.000
Công ty CP Sonadezi Long Thành	3.696.000	-
Công ty CP Sonadezi Long Bình	3.091.000	-
Trường Cao Đẳng Công nghệ Và Quản trị Sonadezi	3.052.500	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	1.650.000	-
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	242.000	-
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	407.000	610.500
Cộng – Xem thêm mục 4.3	<u>380.113.020</u>	<u>517.270.020</u>

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Trả trước cho người người bán - Xem thêm mục 4.4:		
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	55.305.000	51.525.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	47.340.000	51.749.500
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	140.158.181	-
Công ty CP Cảng Đồng Nai	49.660.000	74.712.000
Công ty CP Sonadezi An Bình	4.060.000	267.602.000
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	3.360.000	270.255.908
Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	-	215.320.000
Các công ty trong cùng tập đoàn	66.975.000	107.370.500
Cộng – Xem thêm mục 4.16	<u>311.553.181</u>	<u>987.009.908</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ:		
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	297.897.883	457.636.430
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	349.246.392	317.086.364
Cộng	647.144.275	774.722.794

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	852.676.923	729.600.000
4.23. Thu nhập Ban kiểm soát		

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	148.800.000	115.257.692

4.24. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phê duyệt

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 07 tháng 08 năm 2017

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng